

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1108/QĐ - BYT

Hà nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn
đối với Bệnh viện Mắt Sài Gòn Nha Trang**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ - CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ - CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định 109/2016/TT-BYT ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Công văn số 3358/SYT-NVY của Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa về việc đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Mắt Sài Gòn Nha Trang và Tờ trình số 01/2017/TT/BVMSGNT về việc xin rút một số danh mục kỹ thuật xin phê duyệt theo Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Mắt Sài Gòn Nha Trang (địa chỉ: Lô 9 – 24 khu dân cư Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa) được thực hiện bổ sung 218 kỹ thuật chuyên môn thuộc 4 chuyên khoa (danh mục kèm theo) theo quy định tại Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Bệnh viện Mắt Sài Gòn Nha Trang phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

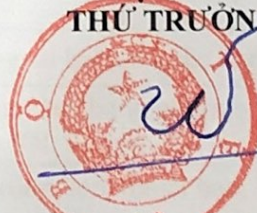
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục Trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế, Bệnh viện Mắt Sài Gòn Nha Trang và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để báo cáo);
- Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, KCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Việt Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH MỤC KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN MẮT SÀI GÒN NHA TRANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1108/QĐ – BYT ngày 28 tháng 3 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Phê duyệt danh mục kỹ thuật
Bệnh viện Mắt Sài Gòn Nha Trang)*

STT	Số TT theo TT 43/2013/TT -BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT
IX. GÂY MÊ HỒI SỨC		
		A. CÁC KỸ THUẬT
1	6	Cấp cứu cao huyết áp
2	7	Cấp cứu ngừng thở
3	8	Cấp cứu ngừng tim
4	10	Cấp cứu tụt huyết áp
5	148	Rửa tay phẫu thuật
6	173	Theo dõi SpO ₂
7	201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện
8	3705	Gây tê phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
9	3706	Gây tê phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần
10	3708	Gây tê phẫu thuật hạ mi trên (chính chỉ, lùi cơ nâng mi ...)
11	3714	Gây tê phẫu thuật hẹp khe mi
12	3838	Gây tê phẫu thuật lác có chính chỉ
13	3839	Gây tê phẫu thuật lác người lớn
14	3840	Gây tê phẫu thuật lác phức tạp (dị thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)
15	3841	Gây tê phẫu thuật lác thông thường
16	3857	Gây tê phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ
17	3860	Gây tê phẫu thuật laser mở bao sau đục
18	3882	Gây tê phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
19	3932	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt đục nhất
20	3933	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
21	3934	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
22	3935	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt đục nhất

23	3936	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất
24	3956	Gây tê phẫu thuật lùi cơ nâng mi
25	3960	Gây tê phẫu thuật mở bao sau
26	3961	Gây tê phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser
27	3962	Gây tê phẫu thuật mở bè có hoặc không cắt bè
28	3985	Gây tê phẫu thuật mở rộng khe mi
29	3994	Gây tê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
30	3995	Gây tê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
31	3996	Gây tê phẫu thuật mộng đơn thuần
32	3997	Gây tê phẫu thuật mức nội nhãn
XIV. MẮT		
33	4	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
34	5	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL
35	6	Phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
36	9	Phẫu thuật phức tạp như: cataract bệnh lý trên trẻ quá nhỏ, người bệnh quá già, có bệnh tim mạch kèm theo
37	12	Tháo dầm Silicon nội nhãn
38	14	Cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn
39	17	Cắt dịch kính + laser nội nhãn + lấy dị vật nội nhãn
40	18	Cắt dịch kính lấy ấu trùng sán trong buồng dịch kính
41	19	Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn
42	20	Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính
43	22	Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn
44	23	Phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kinh điển
45	24	Tháo đai độn củng mạc
46	25	Điều trị glôcôm bằng laser mỏng mắt chu biên
47	26	Điều trị glôcôm bằng tạo hình mỏng mắt (Iridoplasty)
48	29	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)
49	32	Mở bao sau đục bằng laser
50	34	Laser excimer điều trị tật khúc xạ
51	37	Bóc biểu mô giác mạc (xâm nhập dưới vật) sau phẫu thuật Lasik
52	42	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính có hoặc không cố định IOL

53	43	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
54	44	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
55	46	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
56	47	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
57	48	Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
58	49	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
59	50	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử
60	51	Mở bao sau bằng phẫu thuật
61	61	Nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
62	63	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ
63	64	Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản - ống lệ mũi
64	65	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá
65	66	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
66	68	Gọt giác mạc đơn thuần
67	69	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thùng giác mạc
68	70	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ối
69	73	Lấy dị vật tiền phòng
70	75	Cắt mộng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
71	76	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu
72	77	Cố định màng xương tạo cùng đồ
73	78	Cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới
74	80	Sinh thiết tổ chức mi
75	82	Sinh thiết tổ chức kết mạc
76	83	Cắt u da mi không ghép
77	84	Cắt u mi cả bề dày không ghép
78	85	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
79	86	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
80	88	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
81	89	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
82	104	Tái tạo cùng đồ
83	106	Đóng lỗ dò đường lệ
84	109	Phẫu thuật lác thông thường
85	110	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
86	111	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác
87	112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi
88	113	Chỉnh chỉ sau mổ lác
89	116	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi
90	118	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi

unt

91	119	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
92	120	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đuôi...) điều trị sụp mi
93	121	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi ...)
94	122	Cắt cơ Muller
95	123	Lùi cơ nâng mi
96	124	Vá da tạo hình mi
97	127	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)
98	128	Kéo dài cân cơ nâng mi
99	129	Ghép da hay vật da điều trị hở mi do sẹo
100	130	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII
101	131	Phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi
102	132	Phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
103	133	Sửa sẹo xấu vùng quanh mi
104	134	Di thực hàng lông mi
105	135	Phẫu thuật Epicanthus
106	136	Phẫu thuật mở rộng khe mi
107	137	Phẫu thuật hẹp khe mi
108	138	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
109	139	Điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser
110	143	Phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: Chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng
111	144	Lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc
112	145	Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên
113	146	Tạo hình móng mắt (khâu móng mắt, chân móng mắt...)
114	147	Cắt bề sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất antiVEGF
115	148	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
116	151	Đặt ống Silicon tiền phòng điều trị glôcôm
117	152	Đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (Đặt shunt mini Express)
118	153	Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
119	154	Rút van dẫn lưu, ống Silicon tiền phòng
120	155	Sửa vá sẹo bong bằng kết mạc, màng ối, củng mạc
121	156	Sửa sẹo bong bằng kim (Phẫu thuật needling)
122	157	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm
123	158	Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)
124	159	Tiêm nhu mô giác mạc
125	162	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)
126	163	Rửa chất nhân tiền phòng
127	164	Cắt bỏ túi lệ
128	165	Phẫu thuật mộng đơn thuần

129	166	Lấy dị vật giác mạc sâu
130	167	Cắt bỏ chấp có bọc
131	168	Khâu cò mi, tháo cò
132	169	Chích dẫn lưu túi lệ
133	170	Phẫu thuật lác người lớn
134	171	Khâu da mi đơn giản
135	172	Khâu phục hồi bờ mi
136	174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
137	175	Khâu phủ kết mạc
138	176	Khâu giác mạc
139	177	Khâu củng mạc
140	178	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc
141	179	Khâu lại mép mỡ giác mạc, củng mạc
142	181	Lạnh đông thể mi
143	182	Điện đông thể mi
144	183	Bơm hơi / khí tiền phòng
145	184	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
146	185	Mức nội nhãn
147	186	Cắt thị thần kinh
148	187	Phẫu thuật quặm
149	188	Phẫu thuật quặm tái phát
150	189	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)
151	192	Cắt chỉ khâu giác mạc
152	193	Tiêm dưới kết mạc
153	194	Tiêm cạnh nhãn cầu
154	195	Tiêm hậu nhãn cầu
155	197	Bơm thông lệ đạo
156	200	Lấy dị vật kết mạc
157	201	Khâu kết mạc
158	202	Lấy calci kết mạc
159	203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
160	204	Cắt chỉ khâu kết mạc
161	205	Đốt lông siêu, nhổ lông siêu
162	206	Bơm rửa lệ đạo
163	207	Chích chấp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
164	208	Thay băng vô khuẩn
165	209	Tra thuốc nhỏ mắt
166	210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
167	211	Rửa củng đồ
168	212	Cấp cứu bong mắt ban đầu
169	213	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)
170	214	Bóc giả mạc

mt

171	215	Rạch áp xe mi
172	216	Rạch áp xe túi lệ
173	217	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc
174	218	Soi đáy mắt trực tiếp
175	219	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
176	220	Soi đáy mắt bằng Schepens
177	221	Soi góc tiền phòng
178	222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
179	223	Khám lâm sàng mắt
180	224	Đo thị giác tương phản
		Tạo hình
181	229	Phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi
182	230	Phẫu thuật phục hồi trĩ mi dưới
183	233	Phẫu thuật tạo nếp mi
184	234	Phẫu thuật điều trị hở mi
185	235	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả
186	237	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt (xẻ đôi mí)
		Chẩn đoán hình ảnh
187	242	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu
188	243	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu
189	244	Chụp đáy mắt không huỳnh quang
190	246	Chụp mạch với ICG
191	248	Chụp đĩa thị 3D
192	249	Siêu âm bán phần trước
		Thăm dò chức năng và xét nghiệm
193	250	Test thử cảm giác giác mạc
194	251	Test phát hiện khô mắt
195	252	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm
196	254	Đo thị trường chu biên
197	255	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)
198	256	Đo sắc giác
199	257	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
200	258	Đo khúc xạ máy
201	259	Đo khúc xạ giác mạc Javal
202	260	Đo thị lực
203	261	Thử kính
204	262	Đo độ lác
205	263	Xác định sơ đồ song thị
206	264	Đo biên độ điều tiết
207	265	Đo thị giác 2 mắt
208	266	Đo độ sâu tiền phòng

cul

209	267	Đo đường kính giác mạc
210	268	Đo độ dày giác mạc
211	270	Chụp bản đồ giác mạc
212	275	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm
213	276	Đo độ lồi
214	278	Test kéo cơ cưỡng bức
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU		
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU
215	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
216	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)
		C. TẾ BÀO HỌC
217	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)
XXIII. HÓA SINH		
		A. MÁU
218	75	Định lượng Glucose

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Viết Tiến